

Số: 11/TB -TTDVNN

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội ban hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 8/2/2022 về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Công văn số 882/UBND-KT ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thống nhất về chủ trương đối với Phương án chuyển giao, thanh lý đàn trâu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã NTM giai đoạn 2014-2020 và hỗ trợ công chăm sóc theo đề xuất của Sở nông nghiệp –PTNT tại Tờ trình số 23/TTr-SNN-TTĐVNN ngày 14/3/2022;

Căn cứ Quyết định 170/QĐ-SNN-KH ngày 01/7/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc phê duyệt giá trị khởi điểm của 14 con trâu để thực hiện thanh lý tài sản thuộc Phương án Hỗ trợ phát triển đàn trâu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã NTM giai đoạn 2014-2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh,

Để đảm bảo tài sản được đưa ra đấu giá theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và pháp luật về đấu thầu. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thông báo công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, nội dung cụ thể như sau:

1. Người có tài sản đấu giá:

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước
- Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. Tài sản đấu giá:

- Tổng số trâu đực, cái là: 14 con

Trong đó:

+ Trên 11 năm tuổi: 3 con trâu đực.

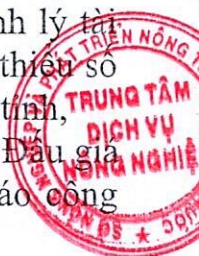
+ Trên 10 năm tuổi: 11 con trâu cái.

(Kèm theo danh sách các hộ nuôi trâu và lý lịch đàn trâu)

- Địa điểm: Khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 193.305.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, ba trăm lẻ lăm ngàn đồng).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (Theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Điều 3 và Phụ lục I Thông tư 02/2022/TT-BTP):



- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố;
- Nhóm tiêu chí khác: Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản:

- Thời gian nhận hồ sơ là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày 06/7/2022 đến ngày 8/7/2022.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. (Đ/c Hạnh tiếp nhận).

6. Hồ sơ đăng ký tham gia:

- Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập tổ chức đấu giá tài sản.

- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Số lượng hợp đồng đấu giá thành công trong thời gian gần đây.

- Số lượng đấu giá viên (bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ đấu giá viên).

- Một số loại hồ sơ giấy tờ có quy định trong các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá (nếu có).

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước thông báo đến các tổ chức có chức năng, điều kiện quan tâm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản theo quy định.

Thông báo này được đăng tải trên Webstite của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước và Cổng thông tin điện tử quốc gia./.

Nơi nhận:

- Sở NN & PTNT;
- GD, PGD;
- Lưu VT, (Hạnh).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hồng Nhung

DANH SÁCH CÁC HỘ NUÔI TRÁU VÀ LÝ LỊCH ĐÀN TRÁU THUỘC PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐÀN TRÁU TRONG 1 BẢO DƯỠNG THUỘC CÁC XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2014-2020 CỦA 2 XÃ

kiểm tra hiện trạng đàn trâu và lý lịch thuộc phương án hỗ trợ phát triển đàn trâu trong vùng đồng bào DTTS thuộc các xã NTM giai đoạn 2014-2020; Biên bản định giá tài sản đàn trâu và thành lập hồ sơ ngày 02/6/2022 của Hội đồng thẩm định thành lập tài sản)

Hội đồng sử dụng phương pháp đo trọng lượng (kg) = Dùng thước đo thể trọng bò (thước đo của ILRI-IAS-L1 Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam 5% trọng lượng đo thực tế, trâu ốm trừ 5% trọng lượng đo thực tế).

Stt	Họ và Tên	Áp	Số trâu (con)	Tuổi (năm)	Vòng ngực (cm)	Trọng lượng đo thực tế (kg)	5% trọng lượng đo thực tế (kg)	Trọng lượng còn lại sau khi - 5% (kg)	Đông giá (1000đ)	Thành tiền (1000đ)	Gh
1	2	3	4	5	6	7	8=7*5%	9=7-8	10	11=9*10	
I. Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long											
1	Thị Ó	Phố Ló	1	10	153	277	14	263	50	13,180	Trá
2	Điều Đan	Phố Ló	1	11	151	266	13	253	50	12,635	Trá
3	Điều Non	Phố Ló	1	10	154	283	14	269	50	13,443	Trá
4	Điều Doi	Phố Ló	1	11	149	256	13	243	50	12,160	Trá
5	Điều Đrăm	Sóc Giếng	1	11	151	266	13	253	50	12,635	Trá
6	Điều Lợi	Sóc Giếng	1 (♂)	11	166	357	0	357	50	17,850	Trá
7	Điều Cây	Sóc Giếng	1	10	152	272	14	258	50	12,920	Trá
8	Thị Nhanh	Sóc Giếng	1	10	151	266	13	253	50	12,635	Trá
Cộng			8			2,243	94	2,149		107,435	

II. Xã An Khương, huyện Hớn Quản



9	Thị Lý (Sinh)	Áp 1	1	10	152	272	14	258	50	12,920	Trà
			1 (♂)	11	163.8	342	0	342	50	17,100	Trà
10	Thị Ngọc Loan	Áp 2	1	11	146	240	12	228	50	11,400	Trà
11	Đieu Kiều	Áp 2	1	11	154	283	14	269	50	13,443	Trà
12	Thị Lưu	Áp 3	1 (♂)	11	165	357	0	357	50	17,850	Trà
13	Thị Ví	Áp 4	1	10	153	277	14	263	50	13,158	Trà
Cộng			6			1,771	54	1,771		85,870	
TỔNG CỘNG: (I+II)			14			4,014	148	3,866		193,305	

